

NGHIÊN CỨU THÀNH PHẦN LOÀI CÁ Ở HỒ DẦU TIẾNG

Tổng Xuân Tâm *

1. Mở đầu

Hồ Dầu Tiếng với nguồn lợi cá phong phú đã và đang được khai thác để phục vụ nhu cầu của người dân trong vùng và các vùng phụ cận. Tuy nhiên, hồ lại là nơi hứng chịu ô nhiễm từ nhiều nguồn khác nhau. Trước hết là nước thải của các nhà máy công nghiệp gần hồ. Sau là do ô nhiễm từ việc phát triển ở ạt các bè cá nuôi trong lòng hồ. Dẫn đến chất lượng nước trong hồ ngày càng xấu đi và thường xuyên xảy ra hiện tượng nhiều loài cá bị chết. Mặt khác, việc khai thác nguồn lợi cá không hợp lí với cường độ cao để phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của người dân đã ảnh hưởng không nhỏ đến thành phần và số lượng cá ở hồ Dầu Tiếng, làm mất cân bằng sinh thái trong hồ.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Xác định thành phần loài cá ở hồ Dầu Tiếng, đánh giá mức độ phong phú và thực trạng về thành phần các loài cá ở nơi đây.
- Xây dựng bộ mẫu cá nước ngọt ở hồ Dầu Tiếng cho phòng thí nghiệm Động vật - Khoa Sinh học - Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM để giảng dạy thực hành phân loại cá.

3. Đặc điểm tự nhiên khu vực nghiên cứu

3.1. Vị trí địa lí

Hồ Dầu Tiếng nằm ở thượng lưu sông Sài Gòn thuộc địa phận của 3 tỉnh: Tây Ninh, Bình Phước, Bình Dương. Hồ có tọa độ địa lí từ 11⁰29'07'' đến 11⁰36'15'' vĩ độ Bắc và từ 106⁰10'49'' đến 106⁰29'07'' kinh độ Đông. Cách thị xã Tây Ninh 25 km về phía Đông Bắc và cách Tp.HCM 70 km về phía Bắc.

* ThS, Khoa Sinh học Trường ĐHSPTP.HCM



Hình 1. Bản đồ vị trí địa lí của hồ Dầu Tiếng

3.2. Đặc điểm địa hình

Hồ Dầu Tiếng có hình chữ V, cao dần về phía Bắc. Hai bên nhánh của hồ hướng về phía Tây Bắc có núi Bà Đen cao 986 m - núi cao nhất vùng Đông Nam Bộ, phía Đông Bắc có dãy núi Cộ cao 350 - 500 m.

3.3. Đặc điểm khí hậu

Khí hậu của hồ Dầu Tiếng cũng giống như khí hậu chung của tỉnh Tây Ninh. Khí hậu nóng ẩm, ôn hòa quanh năm, do nằm sâu trong lục địa nên ít chịu ảnh hưởng của bão và những yếu tố bất lợi khác.

Nhiệt độ trung bình năm $27,4^{\circ}\text{C}$. Độ ẩm trung bình năm vào khoảng 70 - 80%. Có hai mùa rõ rệt, mùa khô từ tháng 12 đến hết tháng 04, mùa mưa từ tháng 05 đến hết tháng 11. Lượng mưa trung bình năm là 1.800 - 2.200mm. Lượng sáng quanh năm dồi dào, mỗi ngày trung bình có đến 6 giờ nắng. Chịu ảnh hưởng của hai loại gió, chủ yếu là gió Tây - Tây Nam vào mùa mưa và gió Bắc - Đông Bắc vào mùa khô. Tốc độ gió 1,7 m/s và thổi đều quanh năm.

3.4. Đặc điểm thủy văn

Hồ Dầu Tiếng là công trình thủy lợi lớn nhất nước ta, với dung tích hữu hiệu khoảng 1,45 - 1,5 tỉ m³, diện tích mặt nước là 27.000 ha, trong đó có 5.000 ha đất bán ngập triều, có khả năng tưới cho 175.000 ha đất canh tác của tỉnh Tây Ninh, TP.HCM và Long An. Mực nước dao động từ 17 - 24 m.

4. Thời gian và phương pháp nghiên cứu

4.1. Thời gian nghiên cứu

Các đợt thu mẫu như sau:

- Đợt 1 : Từ ngày 24 - 25/07/2003 và từ ngày 04 - 07/08/2003 (mùa mưa).
- Đợt 2 : Từ ngày 22 - 24/03/2004 và từ ngày 05 - 06/04/2004 (mùa khô).
- Đợt 3 : Từ ngày 15 - 17/06/2004 và từ ngày 27 - 30/09/2004 (mùa mưa).
- Đợt 4 : Từ ngày 25 - 27/12/2005 (mùa khô).
- Đợt 5 : Từ ngày 24 - 26/02/2006 (mùa khô).

Ngoài ra, chúng tôi còn nhờ ngư dân thu mẫu ở các thời gian khác.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

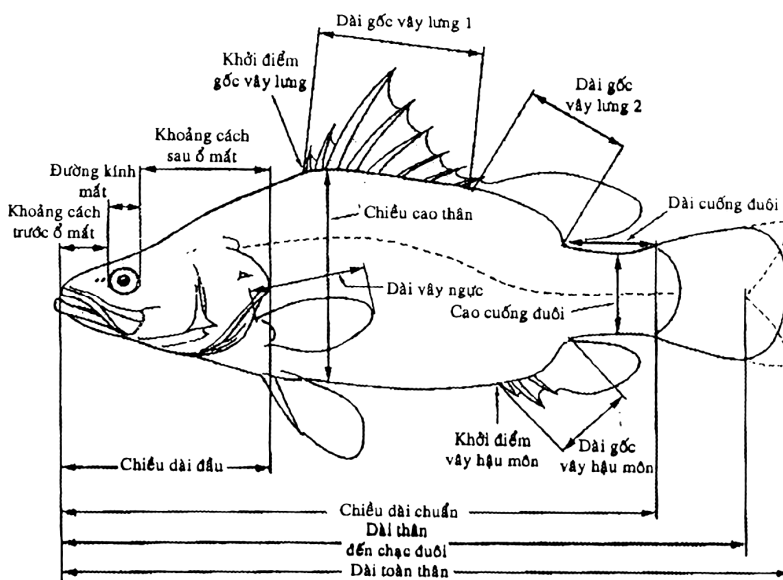
4.2.1. Phương pháp nghiên cứu ngoài thực địa

- Thu mẫu tất cả các loài bắt gặp với số lượng nhiều.
- Tiến hành thu mẫu ở nhiều địa điểm và thời gian khác nhau.
- Thuê các ngư dân và nhân dân địa phương thu thập mẫu cá.
- Phỏng vấn các ngư dân và nhân dân khác trong vùng để nắm được những thông tin liên quan đến khu hệ cá ở KVNC.
- Mẫu được bảo quản trong dung dịch formalin 5% để làm bộ sưu tập cá cho phòng thí nghiệm Động vật, khoa Sinh học - Trường ĐHSP TP.HCM.

4.2.2. Phương pháp nghiên cứu trong phòng thí nghiệm

- Phân tích các số liệu hình thái theo Rainboth Walter J., (1996) (Hình 2).

- Xác định tên loài khoa học chính xác và sắp xếp các loài trong hệ thống phân loại của William N. Eschmeyer.



Hình 2. Sơ đồ chỉ dẫn các số đo ở cá xương (theo Rainboth Walter J., 1996)

5. Kết quả nghiên cứu

Bảng 1. Danh sách thành phần loài cá ở hồ Dầu Tiếng

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học
	Bộ cá thát lát	OSTEOGLOSSIFORMES
	Họ cá thát lát	NOTOPTERIDAE
01	Cá Thát lát	<i>Notopterus notopterus</i> (Pallas, 1767)
	Bộ cá trích	CLUPEIFORMES
	Họ cá trích	CLUPEIDAE
	Phân họ cá Cơm sông	Pellonulinae
02	Cá Cơm sông	<i>Corica sorbona</i> (Hamilton, 1822)
	Bộ cá chép	CYPRINIFORMES
	Họ cá chép	CYPRINIDAE
	Phân họ Lòng tong	Danioninae
03	Cá Lòng tong mương	<i>Luciosoma bleekeri</i> Steindachner, 1878
	Phân họ cá Trắm	Leuciscinae
04	Cá Trắm đen	<i>Mylopharyngodon piceus</i> (Richardson, 1846) *
05	Cá Trắm cỏ	<i>Ctenopharyngodon idellus</i> (Cuv. & Val., 1844) *

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học
	Phân họ cá Mè	Hypophthalmichthyinae
06	Cá Mè trắng Hoa Nam	<i>Hypophthalmichthys molitrix</i> (Cuv. & Val., 1844) *
07	Cá Mè hoa	<i>Aristichthys nobilis</i> (Richardson, 1844) *
	Phân họ cá Bống	Barbinae
08	Cá Ngựa nam	<i>Hampala macrolepidota</i> Van Hasselt, 1823 *
09	Cá Ngựa chấm	<i>Hampala dispar</i> Smith, 1934 *
10	Cá Cóc đậm	<i>Cyclocheilichthys apogon</i> (Valenciennes, 1842)
11	Cá Dầm	<i>Puntius brevis</i> (Bleeker, 1860)
12	Cá Mè vinh	<i>Barbodes gonionotus</i> (Bleeker, 1850)
13	Cá He đỏ	<i>Barbodes altus</i> (Gunther, 1868)
14	Cá He vàng	<i>Barbodes schwanenfeldii</i> (Bleeker, 1853)
15	Cá Mè vinh giả	<i>Hypsibarbus wetmorei</i> (Smith, 1931)
16	Cá Dảnh giả	<i>Scaphognathops stejneri</i> (Smith, 1931)
	Phân họ cá Trôi	Labeoninae
17	Cá Trôi ấn Độ	<i>Labeo rohita</i> (Hamilton, 1822) *
18	Cá Linh ống	<i>Henicorhynchus siamensis</i> (Sauvage, 1881)
19	Cá Mrigan	<i>Cirrhina mrigala</i> (Hamilton, 1822) *
20	Cá Mè lúi	<i>Osteochilus hasseltii</i> (Cuv. & Val., 1842)
21	Cá Mè hôi	<i>Osteochilus melanopleurus</i> (Bleeker, 1852)
	Phân họ cá Chép	Cyprininae
22	Cá Dảnh Nam Bộ	<i>Puntioplites proctozysron</i> (Bleeker, 1865)
23	Cá Chép	<i>Cyprinus carpio</i> Linnaeus, 1758
	Họ cá Chạch	COBITIDAE
	Phân họ cá Chạch cát	Botinae
24	Cá Heo vạch	<i>Botia modesta</i> Bleeker, 1865
25	Cá Heo rừng	<i>Botia hymenophysa</i> (Bleeker, 1852)
	Bộ cá chim nước ngọt	CHARACIFORMES
	Họ cá chim nước ngọt	CHARACIDAE
26	Cá Chim trắng nước ngọt	<i>Colossoma brachypomum</i> (Cuvier, 1818) *
	Bộ cá nheo	SILURIFORMES
	Họ cá lăng	BAGRIDAE
27	Cá Lăng vàng	<i>Mystus wolffii</i> (Bleeker, 1851) *
28	Cá Chốt	<i>Mystus gulio</i> (Hamilton, 1822)
29	Cá Chốt sọc	<i>Mystus vittatus</i> (Bloch, 1797)

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học
30	Cá Lăng nha	<i>Mystus nemurus</i> (Cuv. & Val., 1839)
31	Cá Chốt ngựa (?)	<i>Mystus singaringan</i> (Bleeker, 1846)
	Họ cá nheo	SILURIDAE
32	Cá Trèn bầu	<i>Ompok bimaculatus</i> (Bloch, 1797)
33	Cá Trèn đá	<i>Kryptopterus cryptopterus</i> (Bleeker, 1851)
34	Cá Trèn mỏng	<i>Kryptopterus bicirrhis</i> (Cuvier & Valenciennes, 1839)
	Họ cá tra	PANGASIIDAE
35	Cá Tra yêu	<i>Pangasius sutchi</i> Fowler, 1937
36	Cá Hú	<i>Pangasius conchophilus</i> (Bleeker, 1863)
37	Cá Bông lau	<i>Pangasius taeniurus</i> Bleeker, 1852 *
38	Cá Tra nuôi	<i>Pangasius micronemus</i> Bleeker, 1847
39	Cá Tra (?)	<i>Pangasius</i> sp.
	Họ cá trê	CLARIIDAE
40	Cá Trê phi	<i>Clarias gariepinus</i> (Burchell, 1815) *
41	Cá Trê trắng	<i>Clarias batrachus</i> (Linnaeus, 1758)
42	Cá Trê vàng	<i>Clarias macrocephalus</i> Gunther, 1864
	Bộ cá nhái	Beloniformes
	Họ cá nhái	belonidae
43	Cá Nhái đuôi chằm	<i>Strongylura strongylura</i> (Van Hasselt, 1823)
44	Cá Nhái (?)	<i>Xenentodon cacila</i> (Hamilton, 1822)
45	Cá Nhái	<i>Xenentodon caciloides</i> (Bleeker, 1853)
	Họ cá lìm kìm	hemiramphidae
46	Cá Lìm kìm sông	<i>Zenarchopterus ectuntio</i> (Hamilton, 1822)
	Bộ cá mang liền	SYNBRANCHIFORMES
	Phân bộ cá mang liền	SYNBRANCHOIDEI
	Họ lươn	SYNBRANCHIDAE
47	Lươn đồng	<i>Fluta alba</i> (Zuiew, 1793)
	Phân bộ cá chạch sông	MASTACEMBELOIDEI
	Họ cá chạch sông	MASTACEMBELIDAE
48	Cá Chạch lá tre	<i>Macrognathus siamensis</i> (Gunther, 1861)
49	Cá Chạch bông	<i>Mastacembelus favus</i> Hora, 1923
50	Cá Chạch khoang	<i>Mastacembelus circumcinctus</i> Hora, 1942
	Bộ cá vược	PERCIFORMES
	Phân bộ cá vược	PERCOIDEI

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học
	Họ cá sơn	Ambasscidae
51	Cá Sơn xương	<i>Ambassis gymnocephalus</i> (Lacépède, 1802)
52	Cá Sơn bầu	<i>Parambassis wolffii</i> (Bleeker, 1851)
53	Cá Sơn xiêm (cá Sơn gián)	<i>P. ranga</i> (Hamilton, 1822)
	Họ cá rô biển	NANDIDAE
54	Cá Rô biển	<i>Pristolepis fasciata</i> (Bleeker, 1851)
	Phân bộ cá rô phi	LABROIDEI
	Họ cá rô phi	CICHLIDAE
55	Cá Rô phi vằn	<i>Oreochromis niloticus</i> (Linnaeus, 1758) *
56	Cá Điều hồng	<i>Oreochromis</i> sp. *
57	Cá Rô phi đen	<i>Oreochromis mossambicus</i> (Peters, 1852)
	Phân bộ cá bống	GOBIOIDEI
	Họ cá bống đen	ELEOTRIDAE
58	Cá Bống tượng (?)	<i>Oxyeleotris</i> sp.
59	Cá Bống dừa	<i>Oxyeleotris siamensis</i> (Gunther, 1861)
	Họ cá bống trắng	GOBIIDAE
	Phân họ cá Bống đá	Gobionellinae
60	Cá Bống trứng	<i>Pseudogobiopsis oligactis</i> (Bleeker, 1875)
	Phân bộ cá rô đồng	ANABANTOIDEI
	Họ cá rô đồng	ANABANTIDAE
61	Cá Rô đồng	<i>Anabas testudineus</i> (Bloch, 1792)
	Họ cá mùi	HELOSTOMATIDAE
62	Cá Mùi	<i>Helostoma temminckii</i> Cuvier (ex Kuhl & Van Hasselt, 1829) *
	Họ cá sặc	BELONTIIDAE
63	Cá Sặc điệp	<i>Trichogaster microlepis</i> (Gunther, 1861)
64	Cá Sặc bướm	<i>Trichogaster trichopterus</i> (Pallas, 1770)
65	Cá Sặc rần	<i>Trichogaster pectoralis</i> Regan, 1909 *
	Họ cá tai tượng	OSPHRONEMIDAE
66	Cá Tai tượng	<i>Osphronemus goramy</i> Lacépède, 1802 *
	Phân bộ cá quả	CHANNOIDEI
	Họ cá quả	CHANNIDAE
67	Cá Lóc bông	<i>Channa micropeltes</i> (Cuvier & Valenciennes, 1831) *
68	Cá Lóc	<i>C. striata</i> (Bloch, 1831)

STT	Tên phổ thông	Tên khoa học
69	Cá Tràu dầy	<i>C. lucius</i> (Cuvier, 1831)
	Bộ cá nóc	TETRAODONTIFORMES
	Họ cá nóc	TETRAODONTIDAE
70	Cá Nóc bầu	<i>Monotretus cutcutia</i> (Hamilton & Buch., 1822)
71	Cá Nóc phương	<i>Monotretus fangi</i> (Pellegrin & Chevey, 1940)
72	Cá Nóc (?)	<i>Tetraodon suvattii</i> Sontirat&Soonthornsatit, 1985
73	Cá Nóc (?)	<i>Tetraodon cutcutia</i> (Hamilton & Euchanan)

Chú thích: * Loài có nguồn gốc từ nơi khác nhập cư đến
 * Loài có nguy cơ bị giảm sút - tuyệt chủng

6. Kết luận và đề nghị

6.1. Kết luận

1. Bước đầu thu thập được 73 loài cá ở hồ Dầu Tiếng xếp trong 45 giống, 24 họ và 9 bộ. Trong đó, bộ cá Chép (Cypriniformes) có số loài nhiều nhất (23 loài), tiếp đến là bộ cá Vược (Perciformes) (19 loài). Có 3 loài cá chỉ định loại được đến bậc giống. Có 12 loài cá nhập nội, và 6 loài cá có nguy cơ giảm sút, tuyệt chủng là cá Ngựa nam (*Hampala macrolepidota*), cá Ngựa chằm (*Hampala dispar*), cá Lăng vàng (*Mystus wolffii*), cá Bông lau (*Pangasius taeniurus*), cá Sặc rằn (*Trichogaster pectoralis*), cá Lóc bông (*Channa micropeltes*) trong đó có 1 loài cá ghi trong Sách đỏ Việt Nam là cá Lóc bông (*Channa micropeltes*).

2. Tình hình nguồn lợi cá ở hồ Dầu Tiếng đang trên đà giảm sút ở mức đáng báo động. Một số loài hiện nay còn rất ít, hiếm khi gặp, cần phải được bảo vệ để tránh trường hợp những loài này bị tuyệt chủng.

6.2. Đề nghị

1. Tiếp tục nghiên cứu và điều tra hiện trạng nguồn lợi cá ở hồ Dầu Tiếng, nhằm cung cấp các số liệu cơ bản chính xác cho việc xác lập các luận chứng khoa học về việc bảo tồn và phát triển khu hệ cá ở nơi đây.

2. Phải có biện pháp bảo vệ các loài cá ở hồ Dầu Tiếng được ghi trong Sách đỏ Việt Nam và những loài cá đang trong tình trạng bị đe dọa, giảm sút để tránh tình trạng các loài cá này bị tuyệt chủng.

3. Do hiện nay người dân đánh bắt cá không khoa học và sự ô nhiễm của hồ Dầu Tiếng nên dẫn đến nhiều loài cá ở nơi đây bị giảm sút nghiêm trọng. Vì thế, các cấp, các ngành có thẩm quyền, có liên quan cần tăng cường hữu hiệu các biện pháp quản lí và tích cực tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ nguồn lợi cá đối với người dân ở nơi đây. Nhằm phát triển bền vững khu hệ cá ở hồ Dầu Tiếng.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- [1]. Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (2000), *Sách đỏ Việt Nam, phần Động Vật*, NXB KH & KT, Hà Nội, tr 249 - 326.
- [2]. Nguyễn Văn Hào (chủ biên), Ngô Sỹ Vân (2001), *Cá nước ngọt Việt Nam*, Tập I: Họ cá Chép (Cyprinidae), NXB Nông Nghiệp, Hà Nội, tr. 107 - 588.
- [3]. Trương Thủ Khoa, Trần Thị Thu Hương (1982), *Định loại cá nước ngọt vùng đồng bằng sông Cửu Long*, Bộ môn Thủy sản, ĐH Cần Thơ, tr. 224.
- [4]. Tổng Xuân Tám (2004), *Nghiên cứu thành phần loài và đặc điểm phân bố khu hệ cá sông Sài Gòn*, Luận văn Thạc sĩ Sinh học, Trường ĐHSPT Hà Nội.
- [5]. Mai Đình Yên (chủ biên), Nguyễn Văn Trọng, Nguyễn Văn Thiện, Lê Hoàng Yên, Hứa Bạch Loan (1992), *Định loại các loài cá nước ngọt Nam Bộ*, NXB KH & KT, Hà Nội, 351 tr.

Tiếng Anh

- [6]. Maurice Kottelat (1996), *Fishes of the Nam Theun and Xe bangfai basins*, p. 19, 41 - 43, 54.
- [7]. Rainboth Walter J. (1996), *Fishes of the Cambodian Mekong*, Food and Agriculture of Organization of the United Nations, Rome, p. 55 - 265.
- [8]. Yasuhiko Taki (1974), *Fishes of the Lao Mekong basin*, United States Agency For International Development Mission To Laos Agriculture Division, p. 68 - 77, 107 - 108.
- [9]. William N. Eschmeyer (1998), *Catalog of fishes*, vol.1, 2, 3, Published by the California Academy of Sciences, U.S.A, 2269 p.

Trang web

- [10]. <http://www.tayninh.gov.vn>

Tóm tắt :**Nghiên cứu thành phần loài cá ở hồ Dầu Tiếng**

Gồm 73 loài cá, xếp trong 45 giống, 24 họ và 9 bộ. Bộ cá Chép (Cypriniformes) nhiều loài nhất (23 loài), bộ cá Vược (Perciformes) (19 loài); 6 loài cá có nguy cơ tuyệt chủng là cá Ngựa nam (*Hampala macrolepidota*), cá Ngựa chằm (*Hampala dispar*), cá Lăng vàng (*Mystus wolffii*), cá Bông lau (*Pangasius taeniurus*), cá Sặc rằn (*Trichogaster pectoralis*), cá Lóc bông (*Channa micropeltes*); có 1 loài cá ghi trong Sách đỏ Việt Nam là cá Lóc bông (*Channa micropeltes*).

Abstract**Species of the ichthyofauna of Dau Tieng lake**

In four years of collecting specimens of fish in Dau Tieng lake, the authors found 73 species of fish belonging to 45 races, 24 families and 9 orders of Ichthyofauna of Dau Tieng lake. The Cypriniformes predominate with 23 species, subsequently the Perciformes (19 species). Six species in danger of extinction are *Hampala macrolepidota*, *Hampala dispar*, *Mystus wolffii*, *Pangasius taeniurus*, *Trichogaster pectoralis*, *Channa micropeltes*. One of the species was listed in Vietnam Red book in 2000, *Channa micropeltes*.

ThS. Tổng Xuân Tâm

CQ: Bộ môn Động vật - Khoa Sinh học - Trường Đại học Sư phạm Tp.HCM

NR: số nhà 88, đường số 8, khu phố 2, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp.HCM.

ĐT: CQ: (08) 833 01 27

NR: (08) 720 08 50

DĐ: 0982 399 008

Email: tongxuantam@yahoo.com

Tác giả

ThS. Tổng Xuân Tâm